

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ DỊCH VỤ

Số: \${soHopDong}/VNPT VNP-HĐDV

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật viễn thông số 41/2009/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên,

Hợp đồng thuê dịch vụ (“Hợp đồng”) được lập ngày \${ngayKy} tháng \${thangKy} năm \${namKy}, tại \${diaChiKy}, gồm có:

I. BÊN A : \${tenTTKD}
Địa chỉ : \${diaChiTTKD}
Điện thoại : \${sdtTTKD}
Số tài khoản : \${stkTTKD}
Tại : \${diaChiSTKTTKD}
Mã số thuế : \${maSoThueTTKD}
Người đại diện : \${tenDaiDienTTKD}
Chức vụ : \${chucVuDaiDienTTKD}

(Theo Giấy uỷ quyền số \${soGiayUyQuyen} ngày \${ngayCapUyQuyen} của \${tenUyQuyenTTKD}).

(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên A”)

II. BÊN B : \${tenCTV}
CMND/CCCD số : \${soGTCTV}
Ngày cấp : \${ngayCapGTCTV} Nơi cấp: \${noiCapGTCTV}
Nơi đăng ký HKTT : \${hoKhauThuongTruCTV}
Chỗ ở hiện tại : \${diaChiCTV}
GCN ĐKKD số : \${soDKKDCTV}
Số Ví VNPT PAY : \${soViVNPT}
Mã số thuế : \${maSoThueCTV}

(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên B”)

Hợp đồng gồm có các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

- 1.1. “*Dịch vụ*”: là các công việc hỗ trợ bán hàng, chăm sóc khách hàng cung cấp bởi Bên B cho Bên A, bao gồm nhưng giới hạn bởi: tìm kiếm, giới thiệu khách hàng, bán sản phẩm, dịch vụ, các hoạt chăm sóc khách hàng khác,...
- 1.2. “*Sản phẩm*”: là hàng hóa, dịch vụ được sản xuất hoặc cung cấp bởi Bên A.

- 1.3. “*Khách hàng*”: là các tổ chức, cá nhân mua, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Bên A.
- 1.4. “*Thù lao*”: là khoản tiền do Bên A trả cho Bên B khi Bên B cung cấp dịch vụ cho Bên A.
- 1.5. “*Bên*”: Bên A hoặc Bên B.
- 1.6. “*Hai Bên*” hoặc “*Các Bên*”: Bên A và Bên B.
- 1.7. “*Tổng Công ty*” hoặc “*VNPT Vinaphone*”: được hiểu là Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông.
- 1.8. “*VT - CNTT*”: được hiểu là Viễn thông - Công nghệ thông tin.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 2.1. Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ cho Bên A cụ thể:
 - a. *Tìm kiếm, phát triển hệ thống khách hàng cho Bên A;*
 - b. *Tiếp thị, tư vấn, giới thiệu, bán các sản phẩm, phối hợp phát triển các sản phẩm VT-CNTT.*
- 2.2. Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu của Bên A.
- 2.3. Địa điểm thực hiện: Phụ thuộc địa điểm của khách hàng và do Bên B chủ động sắp xếp để đảm bảo chất lượng công việc thực hiện.

ĐIỀU 3. THÙ LAO

- 3.1. Bên B được hưởng các thù lao, thưởng và các khoản khác (nếu có) theo quy định của Bên A tùy từng thời kỳ và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Bên A có quyền điều chỉnh chính sách thù lao, thưởng, các khoản khác (nếu có) và thông báo trên App **SD** trước khi áp dụng.
- 3.2. Bên B được hỗ trợ các vật dụng, tư liệu, các tài sản cần thiết và các chính sách kinh doanh khác theo quy định của Bên A tùy từng thời kỳ.
- 3.3. Quy định liên quan đến khấu trừ thuế thu nhập cá nhân:
 - a. Bên B tự thực hiện thủ tục đăng ký mã số thuế cá nhân và thông báo cho Bên A tại thời điểm ký Hợp đồng;
 - b. Bên A sẽ giữ lại phần thuế thu nhập cá nhân của Bên B, kê khai và nộp thay cho Bên B theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. THANH TOÁN

- 4.1. Thù lao/hoa hồng chỉ trả cho Bên B chỉ được tính cho các đơn hàng hoàn tất. Đơn hàng hoàn tất là các đơn hàng được hoàn công cung cấp/lắp đặt dịch vụ cho khách hàng sử dụng.
- 4.2. Tổng thù lao Bên B nhận là tổng tất cả các khoản thù lao, hoa hồng theo chính sách công bố của Bên A và các khoản khuyến khích theo các chương trình thúc đẩy/thi đua do Bên A tổ chức tại từng thời điểm.

- 4.3. Bên B phải thực hiện mở tài khoản ví VNPT Pay để nhận thù lao hoa hồng. Trường hợp Bên B khi tham gia bán hàng chưa có tài khoản ví VNPT Pay, Bên A sẽ tiến hành khởi tạo và hướng dẫn Bên B hoàn thiện thủ tục đăng ký mở tài khoản ví VNPT Pay theo số điện thoại đăng ký làm CTV XHH.
- 4.4. Thù lao hoa hồng được Bên A chi trả theo chu kỳ tháng. Vào tháng T+1, Bên A sẽ thực hiện thanh toán cho Bên B các khoản thù lao, hoa hồng Bên B được hưởng trong tháng T vào tài khoản ví VNPT Pay của Bên B.
- 4.5. Số liệu về thù lao hoa hồng của Bên B sẽ được Bên A công bố, niêm yết trên hệ thống để Bên B tra cứu hàng tháng.
- 4.6. Trong mỗi chu kỳ thanh toán, bên A sẽ giữ lại phần thuế thu nhập cá nhân của Bên B và nộp hộ cho Bên B theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Quyền của Bên A:

- a. Trên cơ sở thực tế, Bên A sẽ ấn định giá trị tối thiểu mỗi lần mua sản phẩm của Bên B, giá bán sản phẩm, thù lao cho từng sản phẩm và cách thức thanh toán và quyền điều chỉnh giá bán trong từng thời điểm cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật;
- b. Trên cơ sở thực tế, Bên A sẽ ấn định thù lao phù hợp với quy định pháp luật;
- c. Bên A được quyền yêu cầu Bên B tuân thủ các quy định, quy trình do Bên A ban hành liên quan đến hoạt động dịch vụ và hoạt động bán sản phẩm;
- d. Bên A được quyền quy định các điều kiện Bên B phải đáp ứng để được hưởng thù lao theo quy định tại Hợp đồng này;
- e. Bên A có quyền kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Hợp đồng của Bên B; được quyền áp dụng các chế tài xử lý nếu Bên B có sai sót, vi phạm các quy định của Bên A và/hoặc Hợp đồng;
- f. Bên A được thu hồi toàn bộ trang thiết bị, ấn phẩm, ... đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có);
- g. Bên A có quyền lựa chọn, chỉ định bất kỳ bên thứ ba nào tham gia hoạt động đại lý, hoạt động dịch vụ hoặc trực tiếp cung cấp sản phẩm cho khách hàng;
- h. Bên A không chịu trách nhiệm về các tranh chấp, hậu quả do Bên B gây ra với khách hàng hoặc Bên thứ ba trong quá trình Bên B thực hiện Hợp đồng này;
- i. Bên A không giải quyết bất cứ trường hợp khiếu kiện nào liên quan đến thanh toán thù lao sau khi Bên A đã hoàn thành việc thanh toán thù lao đã được hai Bên thống nhất theo các chu kỳ thanh toán;
- j. Được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp do hoạt động cung cấp dịch vụ mang lại trong khuôn khổ của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Thực hiện đầy đủ nội dung công việc đã cam kết trong Hợp đồng;
- b. Chịu trách nhiệm ký Hợp đồng và cung cấp các sản phẩm đến khách hàng;
- c. Cung cấp sản phẩm hiện có cho Bên B đầy đủ, đúng thời hạn đã quy định và đảm bảo chất lượng của sản phẩm giao;
- d. Cung cấp đầy đủ các ấn phẩm, tài liệu, văn bản, chứng từ thu cước, quy trình, quy định nghiệp vụ có liên quan (nếu có) để tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc;
- e. Cung cấp các văn bản, giấy tờ, thẻ, phù hiệu,... (nếu có) để hỗ trợ Bên B trong hoạt động giao tiếp, trao đổi với khách hàng;
- f. Xây dựng các quy trình, quy định cần thiết để triển khai các công việc theo Hợp đồng với Bên B. Tập huấn về các sản phẩm, hướng dẫn nghiệp vụ cho Bên B theo quy trình, quy định về cung cấp sản phẩm và các hoạt động khác của Bên A;
- g. Thông báo kịp thời cho Bên B khi có thay đổi về chính sách sản phẩm, giá cước, quy trình nghiệp vụ, các chương trình khuyến mại,... phục vụ công tác bán hàng, chăm sóc khách hàng, giải đáp, tư vấn, hỗ trợ, trả lời khiếu nại của khách hàng;
- h. Thanh toán các khoản tiền thù lao và các khoản khác (nếu có) cho Bên B theo đúng thời hạn của Hợp đồng;

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Quyền của Bên B:

- a. Bên B được hưởng tiền thù lao theo quy định của Hợp đồng này;
- b. Chủ động tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để tiếp xúc, trao đổi, đàm phán, tư vấn, giới thiệu sản phẩm của Bên A với khách hàng với tư cách là cộng tác viên của Bên A;
- c. Bên B có quyền yêu cầu Bên A hướng dẫn, cung cấp các thông tin, tài liệu, văn bản, các chương trình khuyến mại, thay đổi giá cước và các quy trình, nghiệp vụ... liên quan đến các sản phẩm mà Bên B làm cộng tác viên để cung cấp cho khách hàng;
- d. Tùy theo quy định, chính sách của Bên A trong từng thời kỳ, Bên B được yêu cầu Bên A hướng dẫn, đào tạo các kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết, cung cấp các thông tin, tài liệu, văn bản, các chương trình khuyến mại, thay đổi giá cước và các quy trình, nghiệp vụ,... liên quan đến các sản phẩm mà Bên B làm cộng tác viên để thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng này;
- e. Được quyền chủ động về thời gian, địa điểm và cách thức thực hiện công việc phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp do hoạt động cung cấp dịch vụ mang lại trong khuôn khổ của pháp luật;

6.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- a. Đăng ký kinh doanh và đáp ứng các điều kiện của pháp luật để đảm bảo ký kết, thực hiện Hợp đồng này; Tự chịu trách nhiệm về pháp lý trong mọi hành vi, hoạt động của mình khi thực hiện Hợp đồng này; Đảm bảo Bên A sẽ được loại trừ mọi trách nhiệm trong trường hợp Bên B vi phạm các cam kết quy định tại Hợp đồng này;
- b. Thực hiện đầy đủ các nội dung công việc đã cam kết trong Hợp đồng này;
- c. Cam kết cung cấp chính xác các thông tin của mình cho Bên A để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu và thanh toán;
- d. Bán sản phẩm theo giá do Bên A ấn định cho khách hàng sử dụng cuối cùng;
- e. Thanh toán cho Bên A theo đúng cam kết tại Điều 5 Hợp đồng này;
- f. Tư vấn, chăm sóc, bán hàng và thực hiện các hoạt động khác theo đúng các chính sách của VNPT Vinaphone ban hành. Thực hiện các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm đến khách hàng theo các chương trình chung của Bên A;
- g. Bên B cam kết sử dụng các vật dụng, tư liệu và các tài sản khác do Bên A cung cấp theo đúng các mục đích, yêu cầu của Bên A trong việc phân phối sản phẩm, chăm sóc khách hàng, quảng bá, giới thiệu sản phẩm và hình ảnh của Bên A;
- h. Có thái độ làm việc tích cực, đúng quy định, giao tiếp lịch sự, không làm tổn hại đến uy tín, hình ảnh và sản phẩm của Bên A;
- i. Không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác các thông tin về bí mật kinh doanh, thông tin về sản phẩm của Bên A, thông tin về khách hàng sử dụng sản phẩm của Bên A khi chưa nhận được sự đồng ý của Bên A;
- j. Tổng hợp, thông báo và cung cấp cho Bên A các yêu cầu, ý kiến, góp ý của khách hàng về sản phẩm của Bên A (nếu có);
- k. Không tiến hành quảng bá, kinh doanh, phân phối sản phẩm bằng hình thức SPAM, gian lận như cheating, hacking,...; Không quảng bá sản phẩm trên các kênh vi phạm pháp luật, trái với thuần phong mỹ tục, kênh bị tranh chấp và/hoặc các hình thức không được pháp luật cho phép hoặc chưa quy định rõ ràng,...;
- l. Không được ký Hợp đồng cộng tác viên khác với VNPT Vinaphone, đơn vị khác thuộc VNPT Vinaphone, vừa là nhân viên, cộng tác viên hoặc làm công, làm thuê cho các cộng tác viên phát triển thuê bao khác của Bên A quản lý (do một thuê bao phát triển thành công chỉ được thanh toán thù lao hoa hồng 01 lần duy nhất cho 01 cộng tác viên thực hiện). Khi phát hiện có sự tranh chấp trên cùng 01 thuê bao phát triển thành công, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm thanh toán thù lao cho Bên B trong trường hợp này;
- m. Không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho người khác dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A;

- n. Chịu trách nhiệm trước Bên A về những quyền lợi mà khách hàng được hưởng theo chính sách thương mại quy định;
- o. Trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng, tư vấn sai hoặc, gây thiệt hại cho khách hàng/bên thứ ba khác dẫn đến Bên A bị thiệt hại, Bên B có trách nhiệm: (i) bồi thường thiệt hại cho Bên A, (ii) nộp cho Bên A một khoản tiền phạt vi phạm tương ứng 200% tổng mức thù lao Bên B nhận được của 03 tháng/đợt trước đó ⁽⁹⁾; (iii) trong trường hợp này, Bên A không phải thanh toán cho Bên B số tiền thù lao còn lại của Bên B;
- p. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí và các chi phí khác liên quan (nếu có) đến quá trình thực hiện Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 7.1. Trừ trường hợp sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng này, các bên cam kết giữ bí mật tất cả các thông tin liên quan đến nội dung của Hợp đồng như nội dung Hợp đồng, thỏa thuận, cam kết giữa các bên, thông tin khách hàng,... và các thông tin khác có liên quan mà các bên được biết trong quá trình làm việc giữa các bên (gồm kế hoạch bán hàng, nghiên cứu thị trường, các hoạt động tiếp thị và xúc tiến bán hàng, số liệu kế toán, thống kê, thông tin về khách hàng), kể cả sau khi Hợp đồng này đã hết hiệu lực.
Các bên không được tiết lộ hoặc để lộ thông tin trên cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ trường hợp bên còn lại đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật.
- 7.2. Các quy định tại khoản 1 điều này ràng buộc các bên về nghĩa vụ bảo mật không giới hạn về không gian, thời gian. Mọi vi phạm nghĩa vụ bảo mật dẫn đến thiệt hại cho một bên (nếu có) sẽ được bên vi phạm bồi thường theo thực tế thiệt hại xảy ra.
- 7.3. Trong trường hợp phải công khai một phần hay toàn bộ nội dung của Hợp đồng này theo yêu cầu của luật pháp và quy định của Việt Nam mà Bên B chưa kịp nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A thì Bên được yêu cầu công khai thông tin (Bên B) được phép công khai thông tin nhưng sau đó phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A.
- 7.4. Trong trường hợp Bên B được Bên A cung cấp tài khoản truy nhập các hệ thống dữ liệu của Bên A thì Bên B cam kết:
 - a. Không được tiết lộ cho Bên thứ Ba biết địa chỉ truy nhập, tài khoản, mật khẩu truy nhập.
 - b. Trừ trường hợp Bên A đồng ý, Bên B không được cung cấp cho Bên thứ Ba các dữ liệu từ hệ thống Bên A được cấp tài khoản.
 - c. Không được truy xuất, sử dụng hệ thống với mục đích khác mục đích thực hiện các nội dung của Hợp đồng.

- d. Kịp thời thông báo cho Bên A biết nếu phát hiện có dấu hiệu bất thường trong việc sử dụng tài khoản do Bên A cung cấp.
- e. Trong trường hợp vi phạm một trong các điều khoản nêu trên, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay sau khi phát hiện đồng thời Bên B chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba. Ngoài ra, Bên B chịu trách nhiệm khác (bao gồm trách nhiệm hình sự, nếu có) theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1. Hai Bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp một Bên vi phạm một trong các điều khoản của Hợp đồng, gây thiệt hại cho phía Bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Phù hợp với phạm vi cung cấp dịch vụ, Bên B có trách nhiệm thực hiện một trong các biện pháp bảo đảm theo quy định của VNPT Vinaphone hoặc Bên A.

ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện nào xảy ra không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào nằm ngoài khả năng kiểm soát của các bên khiến cho các bên không thể hoặc không có điều kiện trên thực tế để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này một cách tạm thời hoặc lâu dài, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, bão tố, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, các trường hợp khẩn cấp của quốc gia, các hoạt động của Chính phủ, đảo chính, nổi loạn, khủng bố, bãi công,...
- 10.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ phải lập tức thông báo cho bên kia để đánh giá và ước lượng thời gian mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng này. Trên cơ sở đó, hai bên cùng nhau thương lượng, phối hợp giải quyết và khắc phục những thiếu sót, thiệt hại.
- 10.3. Nếu trường hợp sự kiện bất khả kháng chỉ làm ảnh hưởng tới một phần trách nhiệm hay nghĩa vụ của bên bị ảnh hưởng thì bên bị ảnh hưởng vẫn phải có trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và các trách nhiệm còn lại được quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC TỪNG PHẦN

Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp đồng này sẽ có hiệu lực riêng rẽ và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không có khả năng thi hành theo pháp luật Việt

Nam, thì tính hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

ĐIỀU 12. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a. Kết thúc Hợp đồng mà không được các Bên gia hạn;
- b. Các bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- c. Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc các Bên chấm dứt Hợp đồng này;
- d. Bên A bị giải thể hay phá sản;
- e. Bên A thông báo chấm dứt Hợp đồng khi Bên B thuộc một trong các trường hợp:
 - Không đáp ứng điều kiện ký Hợp đồng này theo quy định của Bên A;
 - Vi phạm quy định của pháp luật;
 - Vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc quy định của Bên A;
 - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng nếu Bên B không thực hiện công việc cho Bên A;
 - Khi Bên A xét thấy việc hợp tác với Bên B không mang lại hiệu quả kinh tế;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

12.2. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng:

- a. Một Bên có quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng nếu chứng minh được Bên kia đã có vi phạm trong việc thực hiện các trách nhiệm đã quy định trong Hợp đồng và không có bất kỳ sửa chữa, khắc phục nào trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên bị vi phạm;
- b. Nếu Hợp đồng bị đình chỉ thực hiện bởi một trong các Bên phù hợp với Điều 14.2.a, thì ngoài việc bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp cho Bên bị vi phạm, Bên vi phạm phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm (trừ quy định tại điểm r điều 7.2).
- c. Trong trường hợp Bên A muốn đình chỉ thực hiện Hợp đồng trước thời hạn nhưng không chứng minh được Bên B đã có vi phạm như tại Điều 14.2.a, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 03 ngày và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này, Bên A không có trách nhiệm bồi hoàn bất kỳ khoản chi phí nào cho Bên B.
- d. Bên A được quyền phạt vi phạm Hợp đồng, đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không phải thông báo trước cho Bên B và Bên A không phải bồi hoàn bất cứ khoản chi phí nào khi phát sinh một trong các nội dung sau:
 - Phát hiện bất cứ sự không chính xác, không đúng sự thật về các thông tin do Bên B cung cấp cho Bên A;
 - Bên B vi phạm các quy định của Bên A, của cơ quan quản lý Nhà nước;

- Bên B chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này cho Bên thứ ba mà chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- Bên B vi phạm các quy trình cung cấp sản phẩm, cung cấp sản phẩm không đúng mức giá do Bên A quy định;
- Bên B không đáp ứng được yêu cầu phát triển sản phẩm của Bên A;
- Bên B xúc phạm, gây tổn hại về sức khỏe, tính mạng cho khách hàng của Bên A, hoặc gây phản ứng khiếu nại của khách hàng liên quan đến Bên B;
- Bên B có các hành vi làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến thương hiệu VNPT, ảnh hưởng đến uy tín của Bên A;
- Các trường hợp đình chỉ Hợp đồng khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1. Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 13.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này sẽ được hai bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải trên tinh thần thiện chí. Trường hợp các bên không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do Bên thua kiện trả theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. THÔNG BÁO

- 14.1. Bên A có quyền thay đổi mọi nội dung liên quan đến chính sách thuê dịch vụ, quy định Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng, giá bán sản phẩm, mức thù lao, chương trình khuyến mại,... và cung cấp thông tin Bên B khi thay đổi.
- 14.2. Trường hợp Bên A gửi nhiều thông báo, thông báo cuối cùng theo thời gian sẽ được áp dụng.
- 14.3. Bên B phải thông báo cho Bên A về bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin, địa chỉ, số điện thoại và thông tin liên hệ khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 15.1. Hợp đồng này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký. Hợp đồng có thể được gia hạn nhiều lần. Việc gia hạn được thực hiện khi một bên thông báo bằng văn bản/email cho bên kia ít nhất là 15 ngày trước khi hết hạn và được bên kia chấp thuận.
- 15.2. Mọi sửa đổi bổ sung của Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản, tạo thành một Phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng này
- 15.3. Các bên cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này với tinh thần thiện chí, trung thực và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình thực hiện.
- 15.4. Hợp đồng này và các phụ lục đính kèm được lập thành 03 (ba) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký ghi rõ họ tên)